

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /2017/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 1401
Ngày 22 tháng 9 năm 2017

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 295/TTr-STC ngày 01 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các loại xe trông giữ gồm:

- a) Xe đạp (kể cả xe đạp điện); xe xích lô và các phương tiện thô sơ khác;
- b) Xe máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự; xe mô tô 2 bánh; xe mô tô 3 bánh;
- c) Máy cày tay, xe công nông, xe lam; xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi, xe tải dưới 04 tấn và các loại máy kéo khác;
- d) Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 04 tấn trở lên;

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng trả tiền dịch vụ:

- Các tổ chức, cá nhân có sử dụng dịch vụ trông giữ xe;

- Các chủ phương tiện có xe bị tạm giữ do vi phạm hành chính trả cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ trông giữ phương tiện bị tạm giữ do vi phạm pháp luật.

b) Đối tượng thu tiền dịch vụ:

- Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trông giữ xe.
- Các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ trông giữ phương tiện bị tạm giữ do vi phạm pháp luật.
- Giao Công an tỉnh đề xuất đơn vị cung cấp dịch vụ trông giữ phương tiện bị tạm giữ do vi phạm pháp luật và thực hiện thu theo quy định về giá dịch vụ trông giữ xe quy định tại Điều 2 Quyết định này.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Giá dịch vụ trông giữ xe

1. Quy định chung

- a) Một lượt xe: Là một lần xe vào và ra tại điểm trông giữ.
 - b) Thời gian ban ngày: Từ 6 giờ 30 phút đến trước 18 giờ 30 phút.
 - c) Thời gian ban đêm: Từ 18 giờ 30 phút đến trước 6 giờ 30 phút hôm sau.
2. Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Mức thu tại điểm trông giữ xe đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật (ngoại trừ tại bệnh viện, trường học, chợ)

STT	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/xe/lượt)	
		Các huyện, thị xã Buôn Hồ	Thành phố Buôn Ma Thuột
1	Xe đạp (kể cả xe đạp điện); xe xích lô và các phương tiện thô sơ khác: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	1.000	2.000
		2.000	3.000
2	Xe máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự; xe mô tô 2 bánh; xe mô tô 3 bánh: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	2.000	3.000
		3.000	4.000
3	Máy cày tay, xe công nông, xe lam; xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi, xe tải dưới 04 tấn và các loại máy kéo khác: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	10.000	15.000
		15.000	20.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 04 tấn trở lên: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	15.000	20.000
		20.000	25.000

b) Mức thu tại điểm trông giữ xe tại bệnh viện, trường học, chợ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật

STT	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/xe/lượt)	
		Các huyện, thị xã Buôn Hồ	Thành phố Buôn Ma Thuột
1	Xe đạp (kể cả xe đạp điện); xe xích lô và các phương tiện thô sơ khác: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	1.000	2.000
		2.000	3.000
2	Xe máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự; xe mô tô 2 bánh; xe mô tô 3 bánh: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	2.000	3.000
		3.000	4.000
3	Máy cày tay, xe công nông, xe lam; xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi, xe tải dưới 04 tấn và các loại máy kéo khác: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	8.000	12.000
		12.000	15.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 04 tấn trở lên: - Trông giữ ban ngày - Trông giữ ban đêm	12.000	15.000
		15.000	20.000

c) Mức thu theo tháng (cả ban ngày và ban đêm) không quá 30 lần mức thu ban ngày.

d) Mức thu trông giữ cả ngày và đêm thì mức thu tối đa bằng mức thu ban ngày cộng với mức thu ban đêm.

e) Mức thu đối với các điểm, bãi trông giữ ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường; các điểm, bãi trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa mà khách tham quan thường có nhu cầu gửi xe nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác; các điểm, bãi giữ xe phục vụ các sự kiện, lễ hội, thì áp dụng hệ số điều chỉnh không quá 2 lần mức thu được quy định trên.

3. Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

Mức thu không quá 1,5 lần mức thu được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.

Căn cứ tình hình thực tế, các tổ chức, cá nhân quyết định cụ thể mức giá dịch vụ trông giữ xe do tổ chức, đơn vị mình đầu tư nhưng không được vượt quá mức giá tối đa quy định nêu trên

Điều 3. Niêm yết giá, quản lý và sử dụng tiền thu được từ dịch vụ trông giữ xe

1. Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trông giữ xe thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định của pháp luật về giá; thực hiện thu theo giá niêm yết.

2. Nguồn thu từ dịch vụ trông giữ xe, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật, các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trông giữ xe có quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2017. / 76

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Website Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông;
- HĐND các huyện, thị xã, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn (do UBND các huyện, TX, TP sao gửi);
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TVT- 80b)